ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHẠM NGŨ LÃO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 152 /KH-UBND	*Xã Phạm Ngũ Lão, ngày 03 tháng 9 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện hướng dẫn truyền thông, vận động, giáo dục về dân số trên địa bàn xã Phạm Ngũ Lão

Thực hiện Quyết định số 2358/QĐ-BYT ngày 28/7/2026 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn truyền thông, vận động, giáo dục về dân số; Kế hoạch số 337/KH-UBND ngày 28/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về thực hiện hướng dẫn truyền thông, vận động, giáo dục về dân số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Ủy ban nhân dân xã Phạm Ngũ Lão ban hành Kế hoạch thực hiện hướng dẫn truyền thông, vận động, giáo dục về dân số trên địa bàn xã như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai kịp thời, đầy đủ, thống nhất nội dung truyền thông, vận động, giáo dục về dân số theo Quyết định số 2358/QĐ-BYT ngày 28/7/2026 của Bộ Y tế; cụ thể hóa nội dung, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với đặc điểm dân số và điều kiện thực tế của xã Phạm Ngũ Lão.

b) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn xã về công tác dân số; tạo sự đồng thuận, huy động sự tham gia của toàn xã hội trong việc thực hiện công tác dân số; tăng cường ý thức chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số, góp phần thực hiện hiệu quả Luật Dân số, các văn bản hướng dẫn thi hành và các mục tiêu về dân số và phát triển trên địa bàn xã.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tế của xã Phạm Ngũ Lão.

b) Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn, tổ chức, đoàn thể và các thôn trong quá trình tổ chức thực hiện; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội và các lực lượng có liên quan, bảo đảm thống nhất, đồng bộ và hiệu quả.

c) Nội dung, hình thức truyền thông, vận động, giáo dục về dân số phải bảo đảm chính xác, kịp thời, dễ hiểu, thiết thực, phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn và điều kiện thực tế của xã; tôn trọng đặc điểm văn hóa, phong

tục, tập quán tốt đẹp; góp phần xóa bỏ định kiến giới và các quan niệm, tập quán không còn phù hợp về dân số.

d) Đa dạng hóa hình thức truyền thông; kết hợp phù hợp giữa truyền thông trực tiếp tại cộng đồng với truyền thông trên hệ thống thông tin cơ sở, nền tảng số và mạng xã hội; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong truyền thông về dân số.

đ) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; tổ chức sơ kết, tổng kết theo quy định; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và điều chỉnh nội dung, hình thức triển khai phù hợp với tình hình thực tế của xã.

II. NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG, VẬN ĐỘNG, GIÁO DỤC VỀ DÂN SỐ

1. Tăng cường tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số

a) Tổ chức truyền thông, vận động, giáo dục về đường lối, chủ trương của Đảng và nội dung các văn bản: Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về Luật Dân số số 113/2025/QH15 của Quốc hội; Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Dân số. Truyền thông, vận động, giáo dục về các nội dung Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 và các chương trình, đề án thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

c) Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân trên địa bàn xã; góp phần tạo sự đồng thuận xã hội, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hiệu quả thực hiện công tác dân số trên địa bàn.

d) Tổ chức truyền thông, vận động, giáo dục về các nội dung, nhiệm vụ theo các kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên đã ban hành, gồm: Kế hoạch số 56/KH-UBND về việc thực hiện Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 15/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Kết luận số 149-KL/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới; Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 27/3/2026 về việc triển

khai thực hiện Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 20/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Dân số số 113/2025/QH15; Kế hoạch số 241/KH-UBND ngày 19/6/2026 về thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam trên địa bàn tỉnh đến năm 2030; Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 28/5/2026 về thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh đến năm 2030; Kế hoạch số 310/KH-UBND ngày 05/8/2026 về thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tỉnh Hưng Yên đến năm 2030.

2. Các nội dung truyền thông, vận động, giáo dục về dân số chung

2.1. Vai trò của cá nhân, cặp vợ chồng trong việc sinh con để bảo đảm phát triển bền vững và hạnh phúc gia đình

a) Tập trung truyền thông, vận động mỗi cá nhân, cặp vợ chồng chủ động quyết định thời gian sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh phù hợp với tuổi, tình trạng sức khỏe, điều kiện học tập, lao động, thu nhập và khả năng nuôi dạy con; bảo đảm bình đẳng, tự nguyện và có trách nhiệm. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động sinh đủ 02 con trước 35 tuổi; kết hôn và sinh con phù hợp với độ tuổi; nâng cao nhận thức về lợi ích của việc sinh đủ con đối với hạnh phúc gia đình, chất lượng cuộc sống và sự phát triển kinh tế - xã hội của xã.

b) Tăng cường truyền thông, vận động đối với nam, nữ thanh niên, người trong độ tuổi sinh sản, các cặp vợ chồng, người lao động tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn về việc chủ động lựa chọn thời điểm sinh con, khoảng cách giữa các lần sinh phù hợp; đồng thời nâng cao nhận thức về những tác động bất lợi của kết hôn quá sớm, sinh con quá sớm, sinh con quá muộn hoặc sinh con quá dày đối với sức khỏe, chất lượng cuộc sống và chất lượng dân số.

c) Tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật Dân số và Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ; cung cấp thông tin về thực trạng, nguyên nhân và những tác động của mức sinh thấp kéo dài đối với quy mô, cơ cấu dân số, nguồn nhân lực, an sinh xã hội và sự phát triển bền vững của địa phương.

d) Truyền thông, vận động tạo môi trường xã hội thuận lợi để cá nhân, cặp vợ chồng thực hiện quyền và trách nhiệm sinh con; khuyến khích gia đình, cộng đồng, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người sử dụng lao động quan tâm, hỗ trợ việc sinh và nuôi dạy con; góp phần giảm các rào cản đối với việc sinh đủ con và xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc.

đ) Đề cao tính gương mẫu của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số; tích cực tuyên truyền, vận động các cá nhân, cặp vợ chồng chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, sàng lọc trước sinh và sơ sinh; không lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức;

sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc và chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho tuổi già.

e) Hướng dẫn người dân tiếp cận các nguồn thông tin chính thống về dân số, sức khỏe sinh sản và các chính sách có liên quan; nâng cao khả năng nhận diện, phòng ngừa và không chia sẻ thông tin sai sự thật, thông tin chưa được kiểm chứng về công tác dân số trên không gian mạng.

g) Tăng cường tuyên truyền tại các thôn, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học và các khu dân cư; phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế, đoàn viên, hội viên và người có uy tín trong cộng đồng trong công tác vận động, truyền thông về dân số.

h) Lồng ghép nội dung vận động sinh đủ 02 con, xây dựng gia đình tiến bộ, bình đẳng, hạnh phúc với các phong trào, cuộc vận động tại địa phương; chú trọng tuyên truyền để người dân hiểu đúng về chính sách dân số, tránh tâm lý e ngại, định kiến hoặc hiểu không đầy đủ về quyền và trách nhiệm sinh con.

2.2. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, gia đình, người sử dụng lao động; lợi ích của cộng đồng, xã hội và quốc gia trong thực hiện công tác dân số

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số; nâng cao nhận thức của cá nhân, gia đình, người sử dụng lao động, cơ quan, đơn vị và cộng đồng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm trong thực hiện công tác dân số; vận động người dân chủ động thực hiện chính sách dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, xây dựng gia đình tiến bộ, bình đẳng, hạnh phúc.

b) Phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện chính sách dân số; tích cực tuyên truyền, vận động các cá nhân, cặp vợ chồng chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sàng lọc trước sinh và sơ sinh; không lựa chọn giới tính thai nhi; sinh con, nuôi dạy con tốt; xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc và chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho tuổi già.

c) Đẩy mạnh truyền thông về công tác dân số tại cộng đồng dân cư, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học và trên các phương tiện thông tin, truyền thông, mạng xã hội; chú trọng các nhóm dân cư có mức sinh thấp, có nguy cơ mất cân bằng giới tính khi sinh, người lao động tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các nhóm dân cư dễ bị tác động bởi thông tin sai lệch, thiếu chính xác về công tác dân số.

d) Cung cấp, phổ biến đầy đủ thông tin khoa học, chính xác về dân số, sức khỏe sinh sản và các chính sách có liên quan; tuyên truyền các chính sách hỗ trợ về y tế, việc làm, an sinh xã hội, chăm sóc và nuôi dạy trẻ em nhằm tạo điều kiện thuận lợi để người dân thực hiện quyền và trách nhiệm sinh con an toàn, chủ động, phù hợp với điều kiện của gia đình.

đ) Tuyên truyền, vận động người sử dụng lao động quan tâm, thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với người lao động trong việc chăm sóc sức khỏe sinh sản, thực hiện các chính sách liên quan đến thai sản, nuôi con và bảo đảm môi trường làm việc phù hợp; khuyến khích các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tạo điều kiện để người lao động thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ về dân số, xây dựng gia đình và nuôi dạy con.

e) Hướng dẫn người dân tiếp cận các nguồn thông tin chính thống về công tác dân số, sức khỏe sinh sản và các chính sách dân số; nâng cao khả năng nhận diện, phòng ngừa và không chia sẻ thông tin sai sự thật, thông tin chưa được kiểm chứng về dân số trên không gian mạng.

g) Phát huy vai trò của các thôn, Ban công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế và người có uy tín trong cộng đồng trong tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm về công tác dân số; lồng ghép nội dung dân số với các phong trào, cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa, gia đình văn hóa và cộng đồng dân cư văn minh.

2.3. Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, hệ lụy của việc mất cân bằng giới tính khi sinh

a) Tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật Dân số năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành về giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; cung cấp thông tin về thực trạng, nguyên nhân và những hệ lụy của mất cân bằng giới tính khi sinh đối với gia đình, cộng đồng, chất lượng dân số, cơ cấu dân số và sự phát triển bền vững của địa phương. Tăng cường tuyên truyền các quy định về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi; không thông báo, tiết lộ giới tính thai nhi trái quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường tuyên truyền, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi tại các cơ sở cung cấp dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe sinh sản trên địa bàn; kịp thời phát hiện, phản ánh và xử lý hoặc kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

c) Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi hành vi về giới, bình đẳng giới; nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Tuyên truyền để người dân nhận thức đúng về giá trị của trẻ em gái, xóa bỏ tư tưởng trọng nam, khinh nữ, định kiến giới và tâm lý phải có con trai để nối dõi.

d) Nâng cao trách nhiệm của nam giới trong chăm sóc sức khỏe sinh sản, chia sẻ trách nhiệm trong việc sinh và nuôi dạy con, xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; khuyến khích các gia đình thực hiện bình đẳng trong chăm sóc, giáo dục và tạo cơ hội phát triển cho con trai và con gái.

đ) Khuyến khích lồng ghép nội dung không lựa chọn giới tính thai nhi, thực hiện bình đẳng giới và không phân biệt đối xử với trẻ em gái vào hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư và các hoạt động tuyên truyền tại thôn; kịp thời biểu dương, nhân rộng các gia đình, tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số, bình đẳng giới và xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc.

e) Tăng cường tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cơ sở, các trang thông tin, nền tảng mạng xã hội của địa phương, tại các thôn, trường học, cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp; chú trọng cung cấp thông tin dễ hiểu, thiết thực, phù hợp với từng nhóm đối tượng nhằm từng bước thay đổi nhận thức, hành vi và góp phần kiểm soát, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh trên địa bàn xã.

2.4. Thích ứng với già hóa dân số, chuẩn bị cho tuổi già từ khi còn trẻ

a) Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về chủ động chuẩn bị cho tuổi già ngay từ khi còn trẻ; chú trọng xây dựng lối sống lành mạnh, chăm sóc sức khỏe, tích lũy và chuẩn bị các điều kiện cần thiết về kinh tế, tinh thần, kỹ năng xã hội để thích ứng với quá trình già hóa dân số. Khuyến khích phát triển, đa dạng hóa các hình thức chăm sóc, hỗ trợ người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng; nâng cao năng lực tự chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi.

b) Tuyên truyền, vận động gia đình và cộng đồng tạo điều kiện để người cao tuổi tiếp tục phát huy vai trò, kinh nghiệm, tri thức, kỹ năng và uy tín trong các hoạt động phù hợp với sức khỏe, điều kiện và nguyện vọng; khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động xã hội, văn hóa, giáo dục, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, góp phần xây dựng gia đình và cộng đồng đoàn kết, văn minh.

c) Vận động các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân cùng tham gia xây dựng môi trường an toàn, thân thiện với người cao tuổi; tạo điều kiện để người cao tuổi tiếp cận thuận lợi các dịch vụ y tế, chăm sóc xã hội, văn hóa, giáo dục, giao thông và công nghệ số; quan tâm hỗ trợ người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn, người cao tuổi sống một mình, người cao tuổi thuộc nhóm dễ bị tổn thương.

d) Cung cấp kiến thức, kỹ năng duy trì sức khỏe thể chất, tinh thần và chức năng xã hội cho người cao tuổi và gia đình; tuyên truyền, hướng dẫn chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng theo quy định, hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế. Chú trọng truyền thông về phòng, chống bạo lực, ngược đãi, lừa đảo, xâm hại người cao tuổi; nâng cao nhận thức về chăm sóc sức khỏe tinh thần, phòng ngừa tình trạng cô đơn, cô lập xã hội và tăng cường sự tham gia của người cao tuổi trong đời sống gia đình, cộng đồng.

đ) Phát huy vai trò của Trạm Y tế, thôn, Hội Người cao tuổi, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng tác viên dân số và gia đình trong tuyên truyền, vận động,

hỗ trợ chăm sóc sức khỏe và nâng cao chất lượng cuộc sống của người cao tuổi; lồng ghép nội dung thích ứng với già hóa dân số trong các hoạt động chăm sóc sức khỏe, xây dựng gia đình và cộng đồng.

2.5. Khuyến khích người dân chăm sóc sức khỏe phù hợp với từng nhóm đối tượng; chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; dự phòng vô sinh, điều trị vô sinh; ứng dụng công nghệ số trong chăm sóc sức khỏe và nâng cao chất lượng dân số

a) Tổ chức truyền thông, vận động, giáo dục về lợi ích của tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán và điều trị trước sinh, sơ sinh; tư vấn, dự phòng và điều trị vô sinh. Khuyến khích nam, nữ thanh niên chủ động tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản phù hợp với lứa tuổi; thực hiện các biện pháp dự phòng, phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ, bệnh, tật và dị tật bẩm sinh, góp phần nâng cao chất lượng dân số.

b) Tuyên truyền, vận động người dân thực hiện sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy định, hướng dẫn chuyên môn và danh mục bệnh, tật, dị tật bẩm sinh được cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn; nâng cao nhận thức của phụ nữ mang thai, các cặp vợ chồng và gia đình về lợi ích của việc phát hiện sớm, can thiệp và điều trị kịp thời.

c) Đẩy mạnh cung cấp thông tin, kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe sinh sản phù hợp với từng nhóm đối tượng; chú trọng thanh niên, người trong độ tuổi sinh sản, phụ nữ mang thai, người lao động tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các nhóm có nguy cơ. Hướng dẫn người dân chủ động tiếp cận các dịch vụ tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, dự phòng vô sinh và phòng tránh mang thai ngoài ý muốn; góp phần bảo vệ sức khỏe và nâng cao chất lượng dân số.

d) Tăng cường tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe theo từng giai đoạn của vòng đời, phù hợp với đặc điểm, nhu cầu của trẻ em, vị thành niên, thanh niên, người trong độ tuổi sinh sản, người trung niên và người cao tuổi; khuyến khích người dân chủ động theo dõi, kiểm tra sức khỏe, phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ và thực hiện các biện pháp dự phòng bệnh tật.

đ) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong truyền thông, tư vấn, cung cấp thông tin và kết nối người dân với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sàng lọc trước sinh, sơ sinh và các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số. Khuyến khích người dân sử dụng các nền tảng số, ứng dụng y tế và các nguồn thông tin chính thống để chủ động theo dõi, quản lý và chăm sóc sức khỏe.

e) Đa dạng hóa hình thức truyền thông, tư vấn về chăm sóc sức khỏe và nâng cao chất lượng dân số thông qua hệ thống truyền thanh xã, các nền tảng thông tin của địa phương, mạng xã hội, truyền thông trực tiếp tại cộng đồng,

trường học, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và các thôn; bảo đảm nội dung phù hợp với từng nhóm đối tượng, dễ tiếp cận, dễ hiểu và có tính thực tiễn.

g) Phát huy vai trò của Trạm Y tế xã trong tư vấn, hướng dẫn người dân tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sàng lọc trước sinh, sơ sinh và các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số; phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội, các trường học, thôn, cơ quan, đơn vị và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động người dân chủ động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

2.6. Giáo dục dân số phù hợp trong từng cấp học

a) Phối hợp với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn đổi mới, đa dạng hóa nội dung và phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, chăm sóc sức khỏe, kỹ năng sống và xây dựng gia đình phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, độ tuổi và từng cấp học; bảo đảm cung cấp cho học sinh những kiến thức cơ bản, chính xác, khoa học và kỹ năng cần thiết để chăm sóc, bảo vệ sức khỏe và phát triển toàn diện.

b) Lồng ghép, phổ biến các quy định của pháp luật về dân số, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, trẻ em, phòng, chống bạo lực gia đình và các nội dung có liên quan phù hợp với từng cấp học; góp phần hình thành cho học sinh ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng ngay từ trong nhà trường.

c) Tăng cường giáo dục về bình đẳng giới, tôn trọng sự khác biệt, phòng ngừa định kiến giới và phân biệt đối xử; nâng cao nhận thức của học sinh về vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân trong xây dựng gia đình tiến bộ, bình đẳng, hạnh phúc và thực hiện tốt chính sách dân số.

d) Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, Trạm Y tế, các tổ chức chính trị - xã hội và các lực lượng liên quan trong tổ chức truyền thông, giáo dục dân số, chăm sóc sức khỏe và kỹ năng sống cho học sinh; chú trọng cung cấp thông tin phù hợp, thiết thực, dễ hiểu và bảo đảm tính chính xác, khoa học.

đ) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số và các hình thức truyền thông phù hợp trong giáo dục dân số; hướng dẫn học sinh chủ động tiếp cận các nguồn thông tin chính thống, nâng cao kỹ năng nhận diện và phòng tránh thông tin sai lệch, thiếu kiểm chứng về dân số, sức khỏe và các vấn đề liên quan trên môi trường mạng.

e) Khuyến khích các trường học tổ chức các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt chuyên đề, tọa đàm, truyền thông trực tiếp và các hoạt động giáo dục phù hợp nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng về dân số, sức khỏe, bình đẳng giới, xây dựng gia đình và trách nhiệm công dân cho học sinh.

g) Phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế trường học, cha mẹ học sinh và các tổ chức Đoàn, Đội trong công tác giáo dục, truyền thông về dân số; tạo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện,

góp phần hình thành thế hệ trẻ có kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm và ý thức chấp hành pháp luật.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ HÌNH THỨC TRUYỀN THÔNG, VẬN ĐỘNG, GIÁO DỤC VỀ DÂN SỐ

1. Đối tượng

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, trường học, cộng đồng dân cư, gia đình và cá nhân trên địa bàn xã.

b) Các nhóm đối tượng ưu tiên: người chưa thành niên; thanh niên; nam, nữ trong độ tuổi sinh sản; các cặp vợ chồng; phụ nữ mang thai; người cao tuổi; người lao động tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh; người di cư, người khuyết tật; người thuộc nhóm có nguy cơ cao về sức khỏe sinh sản và các nhóm dân cư cần được quan tâm, hỗ trợ trong công tác dân số.

c) Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, cán bộ làm công tác dân số, nhân viên y tế, cộng tác viên dân số và những người có uy tín trong cộng đồng là lực lượng nòng cốt trong công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục về dân số.

2. Hình thức

a) Tăng cường tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh xã, các trang thông tin, nền tảng truyền thông của địa phương và các kênh thông tin phù hợp; xây dựng, đăng tải tin, bài, thông điệp truyền thông về dân số, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới, chăm sóc người cao tuổi và nâng cao chất lượng dân số.

b) Tổ chức hội nghị truyền thông, tư vấn, vận động, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt tại cộng đồng; lồng ghép nội dung dân số trong các hội nghị, cuộc họp của cơ quan, đơn vị, thôn, trường học và các hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

c) Tổ chức các hoạt động truyền thông hưởng ứng các ngày, sự kiện về dân số, sức khỏe, gia đình, trẻ em, bình đẳng giới và người cao tuổi; tổ chức các hoạt động phù hợp như hội thi, giao lưu, sinh hoạt chuyên đề, tìm hiểu chính sách, pháp luật về dân số nhằm tạo sự quan tâm và tham gia của người dân.

d) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong truyền thông, vận động và giáo dục về dân số; tăng cường truyền thông trên các nền tảng số, mạng xã hội và các kênh thông tin trực tuyến phù hợp; khai thác các công cụ số, trí tuệ nhân tạo trong xây dựng, thiết kế và phổ biến sản phẩm truyền thông theo quy định, bảo đảm thông tin chính xác, dễ hiểu, dễ tiếp cận.

đ) Biên soạn, sản xuất và cung cấp các sản phẩm truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng và địa bàn như: tờ rơi, tài liệu tuyên truyền, áp phích, pa-nô, băng-rôn, infographic, video clip, thông điệp truyền thông và các sản phẩm số khác; ưu tiên các nội dung thiết thực, ngắn gọn, dễ nhớ, dễ áp dụng.

e) Tăng cường truyền thông trực tiếp tại các thôn, khu dân cư, trường học, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh; chú trọng các

nhóm đối tượng khó tiếp cận, nhóm có nguy cơ và các địa bàn cần tăng cường truyền thông.

g) Khuyến khích cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, giáo viên, nhân viên y tế, cộng tác viên dân số và người có uy tín trong cộng đồng tham gia chia sẻ, lan tỏa thông tin chính thống về công tác dân số; kịp thời định hướng, giải thích và phản bác các thông tin sai lệch, chưa được kiểm chứng.

IV. ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ LÀM CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG DÂN SỐ

1. Tổ chức hoặc phối hợp tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn về dân số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên y tế, cán bộ làm công tác dân số, cộng tác viên dân số và lực lượng tham gia công tác truyền thông trên địa bàn xã.

2. Tạo điều kiện để đội ngũ làm công tác dân số, cán bộ truyền thông, cộng tác viên dân số và nhân viên y tế được tham gia các lớp đào tạo, tập huấn do cấp trên tổ chức về chính sách dân số, kỹ năng truyền thông trực tiếp, truyền thông trên môi trường số, sử dụng mạng xã hội và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác truyền thông dân số.

3. Bồi dưỡng kỹ năng xây dựng, biên soạn và phổ biến các sản phẩm truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng; chú trọng kỹ năng truyền thông trực tiếp tại cộng đồng, tư vấn, vận động thay đổi hành vi và xử lý, định hướng thông tin sai lệch về công tác dân số trên không gian mạng.

4. Phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế, cán bộ thôn, đoàn viên, hội viên và người có uy tín trong cộng đồng; từng bước xây dựng mạng lưới truyền thông dân số có kiến thức, kỹ năng và khả năng tiếp cận, vận động người dân phù hợp với đặc điểm của từng địa bàn, nhóm đối tượng.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách của xã; được bố trí trong dự toán chi ngân sách hằng năm của địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Các hoạt động của Kế hoạch được lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan về dân số, y tế, giáo dục, gia đình, trẻ em, bình đẳng giới, người cao tuổi và phát triển kinh tế - xã hội của xã; đồng thời huy động các nguồn lực hợp pháp khác để tổ chức thực hiện.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả và theo quy định hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

a) Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ trì, phối hợp với Trạm Y tế, các cơ quan, đơn vị, trường học, thôn và các tổ chức có liên quan triển khai các hoạt động truyền thông, vận động, giáo dục về dân số trên địa bàn.

b) Tham mưu lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ về truyền thông, vận động, giáo dục dân số vào các chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của xã; phối hợp triển khai các hoạt động truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng địa bàn.

c) Phối hợp với Trạm Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng nội dung, thông điệp truyền thông; tổ chức tuyên truyền trên hệ thống thông tin cơ sở, các nền tảng thông tin, truyền thông của xã và các hình thức phù hợp khác.

d) Phối hợp với các trường học trên địa bàn triển khai nội dung giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới, hôn nhân và gia đình, chăm sóc sức khỏe và kỹ năng sống phù hợp với từng cấp học.

đ) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp kết quả, tham mưu Ủy ban nhân dân xã báo cáo cơ quan cấp trên theo quy định.

2. Trạm Y tế xã

a) Là đầu mối chuyên môn về công tác dân số và chăm sóc sức khỏe; tham mưu Ủy ban nhân dân xã triển khai các hoạt động truyền thông, vận động, giáo dục về dân số phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn.

b) Tổ chức truyền thông, tư vấn, vận động người dân về chăm sóc sức khỏe sinh sản, khám sức khỏe trước khi kết hôn, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, dự phòng vô sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, nâng cao chất lượng dân số và các nội dung chuyên môn khác theo hướng dẫn của cơ quan y tế cấp trên.

c) Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội, các thôn, trường học, cơ quan, đơn vị và tổ chức chính trị - xã hội tổ chức các hoạt động truyền thông trực tiếp tại cộng đồng; ưu tiên các nhóm đối tượng cần được quan tâm trong công tác dân số.

d) Hướng dẫn, cung cấp thông tin chuyên môn chính xác về dân số, sức khỏe sinh sản và nâng cao chất lượng dân số; phối hợp tuyên truyền, vận động người dân không lựa chọn giới tính thai nhi, thực hiện bình đẳng giới và chăm sóc sức khỏe theo từng giai đoạn của vòng đời.

đ) Phối hợp theo dõi tình hình dân số, tổng hợp số liệu, đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động truyền thông dân số và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

3. Văn phòng HĐND và UBND xã

a) Phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân xã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan đến công tác truyền thông, vận động, giáo dục về dân số.

b) Phối hợp theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; thực hiện công tác tổng hợp, phát hành văn bản và các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội và các đơn vị liên quan trong công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về dân số, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới và các lĩnh vực có liên quan.

4. Phòng Kinh tế xã

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp triển khai các nội dung của Kế hoạch có liên quan đến lĩnh vực phụ trách; lồng ghép nội dung dân số trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã.

b) Phối hợp tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn quan tâm, tạo điều kiện để người lao động thực hiện tốt quyền và trách nhiệm về dân số, chăm sóc sức khỏe, sinh và nuôi dạy con.

c) Phối hợp huy động, lồng ghép các nguồn lực hợp pháp để thực hiện các hoạt động truyền thông, vận động, giáo dục về dân số theo quy định.

5. Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn

a) Chủ động triển khai, lồng ghép nội dung giáo dục dân số, sức khỏe, sức khỏe sinh sản, giới, bình đẳng giới, hôn nhân và gia đình, quyền trẻ em và kỹ năng sống phù hợp với từng cấp học, độ tuổi và điều kiện thực tế của nhà trường.

b) Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt chuyên đề, truyền thông, giáo dục phù hợp nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng và ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh.

c) Phối hợp với Trạm Y tế, Phòng Văn hóa - Xã hội và cha mẹ học sinh trong công tác giáo dục, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe học sinh; kịp thời cung cấp thông tin, định hướng cho học sinh tiếp cận các nguồn thông tin chính thống.

6. Công an xã:

Phối hợp tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác dân số, hôn nhân và gia đình, bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực gia đình và các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân; phối hợp xử lý hoặc tham mưu xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền.

7. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã:

Phối hợp triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền, truyền thông cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao; hỗ trợ các hoạt động truyền thông trực quan, truyền thông lưu động và các hình thức truyền thông phù hợp khác trên địa bàn xã.

8. Trưởng các thôn

a) Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số; lồng ghép nội dung dân số trong các cuộc họp, sinh hoạt cộng đồng và các hoạt động tại khu dân cư.

b) Phối hợp với Trạm Y tế, Phòng Văn hóa - Xã hội và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động các cặp vợ chồng, thanh niên, người cao tuổi và các nhóm đối tượng liên quan thực hiện tốt chính sách dân số.

c) Kịp thời nắm bắt tình hình, phản ánh những khó khăn, vướng mắc và các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện về Ủy ban nhân dân xã để được hướng dẫn, giải quyết.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

a) Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số; lồng ghép nội dung dân số với các phong trào, cuộc vận động tại địa phương.

b) Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn viên, hội viên, người có uy tín trong cộng đồng trong tuyên truyền, vận động xây dựng gia đình tiến bộ, bình đẳng, hạnh phúc; thực hiện bình đẳng giới, không lựa chọn giới tính thai nhi và thích ứng với già hóa dân số.

c) Tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về dân số; kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

10. Chế độ báo cáo

Các cơ quan, đơn vị, trường học, Trạm Y tế, thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung của Kế hoạch; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để tổng hợp, báo cáo cơ quan cấp trên theo quy định.

Ủy ban nhân dân xã đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội xã phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch; yêu cầu các cơ quan, đơn vị, các thôn căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao nghiêm túc tổ chức thực hiện, bảo đảm hiệu quả và báo cáo kết quả theo quy định./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể xã;
- Trưởng các thôn;
- Cổng Thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

HỘI ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHẠM NGŨ LÃO
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Đặng Đức Lâm